

KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY NGOẠI NGỮ DỰA VÀO NỘI DUNG CHO SINH VIÊN NĂM 1, 2 KHOA QUỐC TẾ HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

POSSIBILITY OF APPLYING CONTENT - BASED INSTRUCTION TO ENGLISH LANGUAGE PROGRAMS FOR FRESHMEN AND SOPHOMORES AT DEPARTMENT OF INTERNATIONAL STUDIES, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES, THE UNIVERSITY OF DANANG

Lê Thị Phương Loan

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; loan.lephuong@hotmail.com

Tóm tắt - Phương pháp dạy ngoại ngữ dựa vào nội dung (CBI) ngày càng trở nên phổ biến trong những khóa học song ngữ chuyên ngành, nơi tiếng Anh được sử dụng như phương tiện để truyền tải nội dung chuyên ngành. Rất nhiều nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đã chứng minh CBI đem lại hiệu quả trong việc cung cấp cho sinh viên tiếp cận với ngữ cảnh có ý nghĩa và tài liệu xác thực. Bài nghiên cứu, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, khảo sát ý kiến của 107 sinh viên về khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên năm 1, 2 Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Kết quả cho thấy đa số sinh viên (67,32%) cho rằng chương trình tiếng Anh thiết kế theo CBI là hoàn toàn khả thi, và 78,21% sinh viên cho biết sẵn lòng tham gia vào khóa học này.

Abstract - There has been a global interest in different approaches in teaching immersion content courses in which English is employed as a vehicle to deliver content instructions. In this sense, the Content - based Instruction (CBI) approach has been put into practice in a variety of language learning educational contexts in which its benefits have been supported by a number of research on theoretical foundations and empirical experiments. CBI provides learners with access to meaningful contexts and authentic materials. Using the qualitative method, this paper presents surveys of 107 sophomores and juniors at the Department of International Studies (DIS), University of Foreign Language Studies, the University of Danang on the possibility of applying the CBI approach to the English language programs for freshmen and sophomores at DIS. The results are very positive. Most of the survey participants (67.32%) agree that applying CBI to the English program for freshmen and sophomores are feasible, and 78.21% believe that they will attend such a course.

Từ khóa - phương pháp dạy ngoại ngữ dựa vào nội dung; khả năng áp dụng hiệu quả; tiếng Anh; kiến thức chuyên ngành; Chương trình Kỹ năng tiếng B1, B2.

Key words - content - based Instruction; effective application; English language; content knowledge; B1, B2 English skill programs.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay phương pháp giảng dạy ngoại ngữ dựa vào nội dung (Content-based Instruction-CBI) ngày càng được áp dụng phổ biến hơn trong giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Trong phương pháp này, ngôn ngữ được giảng dạy dựa vào nội dung chuyên ngành (content), qua đó khuyến khích người học tiếp cận với ngôn ngữ nhiều hơn bằng việc sử dụng tiếng Anh để suy nghĩ và thảo luận. CBI cũng chú trọng nhu cầu của người học theo lý thuyết “lấy người học làm trung tâm”. Phương pháp này hiện đang được sử dụng phổ biến trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai [8].

Chương trình tiếng Anh hoàn toàn mới theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (CEFR) tại Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNH) - Đại học Đà Nẵng được áp dụng từ năm 2012 trong chủ trương đào tạo liên thông sinh viên các ngành trong ba khoa Tiếng Anh, Tiếng Anh chuyên ngành và Quốc tế học. Thành công của chương trình là đạt được sự đồng bộ trong thiết kế chương trình, mục tiêu, nội dung giảng dạy, và phương pháp đánh giá đối với các học phần tiếng Anh cho sinh viên năm 1, 2 của các khoa. Tuy nhiên, sau gần 3 năm triển khai, chương trình đã xuất hiện một số bất cập đối với các cấp quản lý, giáo viên trực tiếp giảng dạy, và sinh viên khoa Quốc tế học các khóa từ 2012 đến nay. Cụ thể, một số sinh viên cho rằng chương trình tiếng Anh theo hướng tích hợp bốn kỹ năng thực hành ngoại ngữ quá chú trọng ngữ pháp, vì thế giảm

manh thời lượng giao tiếp (kỹ năng Nghe và Nói), đồng thời hạn chế từ vựng chuyên ngành. Một số giáo viên gặp khó khăn trong quá trình soạn bài giảng yêu cầu tích hợp cả bốn kỹ năng theo giáo trình mới. Đối với cấp quản lý, hiện việc một số giáo viên có ý kiến về đổi giáo trình đã chọn sẵn cũng gây khó khăn với các khoa vì những giáo trình này được quy định sử dụng cho cả 3 khoa có chương trình liên thông. Vì vậy, bài viết trình bày kết quả nghiên cứu khảo sát trên đối tượng sinh viên năm 2 và 3 khoa Quốc tế học (vì đã hoàn thành đầy đủ các chương trình Kỹ năng tiếng B1, B2), từ đó đề xuất một số giải pháp để chương trình có thể triển khai hiệu quả, đề kết cấu tổng thể chương trình tiếng Anh phù hợp hơn với nhu cầu, đặc điểm của người học và nguồn lực hiện có tại khoa Quốc tế học.

2. Tổng quan về phương pháp dạy ngoại ngữ dựa vào nội dung (CBI) và chương trình Kỹ năng tiếng B1, B2

2.1. Phương pháp CBI là gì?

Phương pháp CBI, theo Snow (2001, tr.303) là “sự tích hợp mục tiêu giảng dạy và chủ đề môn học” [7]. Stoller & Grabe (1997) cho rằng sự kết hợp giảng dạy ngôn ngữ và nội dung sẽ thúc đẩy quá trình lĩnh hội kiến thức. Nói cách khác, CBI giúp người học có cơ hội sử dụng kiến thức chuyên ngành (KTCN) và ngôn ngữ mục tiêu để thực hiện những nhiệm vụ có tính chất phức tạp tăng dần [8]. Singer (1990) nhấn mạnh khi người học được tiếp cận với tài liệu biên soạn theo chủ đề, họ có khả năng ghi nhớ và lĩnh hội thông tin tốt hơn [6]. Theo

đó, CBI chú trọng cả mục tiêu về ngôn ngữ lẫn nội dung kiến thức lĩnh hội. Sự tích hợp ngôn ngữ và nội dung cung cấp ngữ cảnh để người học thúc đẩy sự phát triển về nhận thức, học thuật, những kỹ năng và sự thành thạo ngôn ngữ mục tiêu.

CBI bắt đầu được chú ý từ chương trình song ngữ của Canada từ những năm 1960. Trong suốt 2 thập kỷ sau đó, Canada triển khai chương trình giảng dạy tiếng Pháp như ngôn ngữ hai trong trường học để người học (nói tiếng Anh) có thể lĩnh hội tiếng Pháp thông qua chương trình sử dụng ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Pháp. Chương trình được triển khai ở các cấp học từ tiểu học đến trung học cơ sở theo mức độ sử dụng ngôn ngữ hai khác nhau (30%, 70% và 100%). Đặc điểm của CBI là *nội dung* đóng vai trò quyết định, là điểm xuất phát hoặc nguyên tắc tổ chức của khóa học. *Nội dung* ở đây được hiểu là *thông tin hay chủ đề mà người học lĩnh hội hoặc giao tiếp thông qua ngôn ngữ chứ không phải là ngôn ngữ được sử dụng để truyền đạt nội dung* [5]. Bất cứ bài học ngôn ngữ nào cũng phải bao hàm nội dung. Nội dung là phương tiện kết nối bài học và bài tập. Trong các phương pháp giảng dạy truyền thống, ngữ pháp, kỹ năng, chức năng là những chi tiết được quyết định đầu tiên, sau đó mới đến nội dung. Ví dụ, trong bài học về *Thì Tương lai đơn* (Simple Future Tense), các cấu trúc ngữ pháp, ngữ cảnh giao tiếp, bài đọc hiểu, câu hỏi thực hành, v.v. đều xoay quanh *Thì Tương lai đơn*. Tuy nhiên, trong CBI, nội dung sẽ được quyết định trước, sau đó đến các lựa chọn về ngữ pháp, kỹ năng, chức năng. Ví dụ trong bài học về *Đàm phán quốc tế*, các bài đọc/nghe hiểu, câu hỏi thực hành, ngữ cảnh giao tiếp sẽ xoay quanh chủ đề đàm phán quốc tế. Ngữ pháp sẽ được khai thác dựa trên các bài đọc hiểu hoặc nghe hiểu.

Brinton, Snow & Wesche (1989) cho rằng CBI cung cấp cho người học ngữ cảnh có ý nghĩa (meaningful context) và ngữ liệu đầu vào dễ hiểu (comprehensive input) - hai yếu tố quan trọng giúp người học lĩnh hội ngôn ngữ (Krashen, 1985). Ngoài ra, CBI được xây dựng dựa trên phân tích nhu cầu, trình độ, và mục tiêu học tập của người học; vì thế, các nhà ngôn ngữ học cho rằng CBI có thể thỏa mãn một số nhu cầu của người học, cụ thể:

(1) CBI sử dụng *tài liệu xác thực* (authentic materials) trong giảng dạy. Tài liệu xác thực được hiểu là những tài liệu được dùng trong đời thực, trong giảng dạy tiếng mẹ đẻ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, và không có mục đích dạy ngôn ngữ. Điều này đòi hỏi nỗ lực của người dạy trong việc hiệu chỉnh và soạn bài giảng để có thể sử dụng tài liệu xác thực làm tài liệu giảng dạy.

(2) CBI, lấy người học làm trung tâm, giúp tạo động cơ học tập cho người học, giúp họ năng động và làm chủ hoạt động học tập và không bị phụ thuộc nhiều vào người dạy.

(3) CBI chú trọng truyền thụ cả ngôn ngữ và nội dung, vì vậy việc kiểm tra, đánh giá cũng sẽ được thực hiện đối với cả 2 thành tố này [1], [4].

2.2. Các mô hình của phương pháp CBI

Các mô hình của CBI khác biệt với nhau bởi ngữ cảnh, mức độ truyền thụ, và mức độ chú trọng ngôn ngữ hay nội dung. Theo Brinton, Snow & Wesche (1989), ba mô hình phổ biến nhất của CBI là (1) Mô hình dựa vào chủ đề

(theme-based model); (2) Mô hình chuyển đổi (sheltered model); và (3) Mô hình cộng tác (adjunct model). Theo đó, (1) được sử dụng chủ yếu trong các khóa học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, trong đó giáo viên có kiến thức cả về ngôn ngữ và chuyên ngành. Đồng thời, nội dung bài kiểm tra cũng tập trung chủ yếu vào ngôn ngữ. Trong (2), KTCN được xem là trọng tâm, và có phần lấn át hoạt động học ngôn ngữ, bài kiểm tra vì thế cũng đánh giá khả năng lĩnh hội KTCN hơn là ngôn ngữ. Mô hình (3) cho thấy sự kết hợp của 2 giáo viên, một người phụ trách giảng dạy ngôn ngữ và người kia dạy KTCN. Người học sẽ được kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ trong giờ học ngôn ngữ, và kiểm tra KTCN trong giờ học môn chuyên ngành [1]. Mô hình dựa vào chủ đề được sử dụng phổ biến hơn cả, vì sự linh động và dễ triển khai. Trong mô hình này, chủ đề, được chọn lựa kỹ càng dựa trên phân tích nhu cầu, trình độ của người học và mục tiêu của bài học, là “kim chỉ nam” giúp người dạy thiết kế bài giảng dựa vào tài liệu xác thực.

2.3. Tổng quan về chương trình Kỹ năng tiếng B1 và B2 tại Khoa Quốc tế học

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quốc tế học được thực hiện theo hình thức tín chỉ với tỷ lệ các học phần tiếng Anh chiếm lần lượt là 46/148 (niên khóa 2012-2016) và 53/149 (niên khóa 2013-2017) tổng số tín chỉ toàn khóa. Sinh viên năm 1, 2 (của niên khóa 2011-2015 và 2012-2016) học chương trình tiếng Anh riêng rẽ từng kỹ năng, ví dụ các học phần Nghe 1, Nói 1, Viết 1, Đọc 1 được dạy trong học kỳ đầu tiên, mỗi học phần hai tín chỉ. Tương tự, trong các học kỳ sau, các kỹ năng vẫn được dạy riêng theo giáo trình do Khoa tiếng Anh biên soạn (lưu hành nội bộ). Tuy nhiên, từ năm học 2012-2013 trở đi, chương trình tiếng Anh hoàn toàn mới được thiết kế tích hợp các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và Ngữ pháp thành các học phần có tên gọi Kỹ năng tiếng B1, B2 từ KNTB1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 đến KNTB2.1, 2.2, 2.3, 2.4, và 2.5. Các học phần này đều có số tín chỉ là 04 và được sử dụng chung cho *bốn học kỳ đầu tiên* của sinh viên ba khoa: Khoa tiếng Anh, Khoa tiếng Anh chuyên ngành và Khoa Quốc tế học. Đây là chương trình tiếng Anh nằm trong chủ trương đào tạo liên thông sinh viên các ngành trong ba khoa của Trường ĐHNH theo CEFR.

Mục tiêu của chương trình¹ Kỹ năng tiếng B1, B2 là giúp sinh viên: “*nắm được các ý chính khi Nghe/Đọc văn bản chuẩn về những đề tài phổ thông; xử lý các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó; sản sinh ra các ngôn bản có tính liên kết về đề tài quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân; miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và lý giải gạn gàng cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra*”. Như vậy, chương trình Kỹ năng tiếng B1, B2 tập trung phát triển kỹ năng tiếng Anh giao tiếp tổng quát, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trong các tình huống giao tiếp thông thường như ở siêu thị, công sở, đi du lịch, v.v. Tuy nhiên, chương trình kéo dài bốn học kỳ, và số lượng chủ điểm về kinh tế, chính trị hay quan hệ quốc tế rất hạn chế. Vì vậy, đến *học kỳ 5*, khi phải học một số môn chuyên ngành tích hợp tiếng Anh và tiếng Việt (chủ yếu là slide bằng tiếng Anh và giáo viên giảng bài bằng tiếng Việt) sinh viên rất ngỡ ngàng khi tiếp xúc với hàng loạt từ chuyên ngành mà nhẽ

¹ Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng tiếng B1, B2 - Chương trình đào tạo khoa QTH

ra nên được trang bị cho các em từ học kì trước đó.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, gồm phương pháp nghiên cứu tài liệu, phiếu điều tra và phỏng vấn. Chúng tôi phát ra 107 phiếu khảo sát về khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh tại Khoa Quốc tế học, trong đó có 57 sinh viên khoá 2012 và 50 sinh viên khoá 2013. Đặc biệt, có 36 sinh viên lớp Chất lượng cao ở các khoá 2012 và 2013 tham gia trả lời. Đối tượng khảo sát là sinh viên hai khoá 2012-2016 (học chương trình cũ) và khoá 2013-2017 (chương trình mới) vì các em đã hoàn thành hết chương trình tiếng Anh năm 1,2 và tham dự học phần *Tiếng Anh nâng cao* (tiếng Anh chuyên ngành) trong năm 3 (thiết kế theo CBI). Chúng tôi cũng phỏng vấn hai trong tổng số ba giáo viên đã và đang tham gia giảng dạy học phần *Tiếng Anh nâng cao* tại Khoa Quốc tế học từ năm 2013 đến 2015, và hai giáo viên này cũng đã tham gia giảng dạy một số học phần *Kỹ năng tiếng B1, B2* cho các lớp có sinh viên tham gia khảo sát. Như vậy, hai giáo viên này có thể so sánh được năng lực tiếng Anh của sinh viên các khoá 2012-2016, 2013-2017 (đối tượng tham gia khảo sát) và 2011-2015 (niên khoá bắt đầu thực hiện chủ trương liên thông ba khoa).

Cấu trúc của Phiếu khảo sát bao gồm ba phần: Phần Một giới thiệu về CBI; Phần Hai gồm các câu hỏi về tính khả thi khi áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên năm 1,2; Phần Ba là một số thông tin cá nhân của người trả lời. Trong tổng số 17 câu hỏi (được thiết kế theo thang đo Likert từ *Hoàn toàn đồng ý* (1) đến *Hoàn toàn không đồng ý* (5)) ở Phần Hai, có 07 câu hỏi về lợi ích khi áp dụng CBI, 02 câu về thực trạng một số giáo trình của học phần *Kỹ năng tiếng B1, B2*, 02 câu về khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh, 01 câu về đội ngũ giảng dạy, 01 câu về tỷ lệ giữa tiếng Anh và KTCN theo mong muốn của sinh viên (thiết kế dựa trên lý thuyết phân tích nhu cầu người học, theo CBI). Kết quả, tổng số phiếu phát ra và thu vào qua hai hình thức gửi thư điện tử và phát trực tiếp là 107, trong đó theo quan sát của chúng tôi có 06 phiếu có nhiều giá trị khuyết thiếu (missing values) xảy ra ngẫu nhiên, vì vậy có thể loại trừ khả năng thiên lệch nội sinh (endogenous bias). Như vậy, chỉ có 101 phiếu được sử dụng để làm mẫu.

4. Kết quả nghiên cứu và bình luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Hiểu biết về CBI

Phần Một trong Phiếu khảo sát giới thiệu khái quát về CBI: Chúng tôi đã đến từng lớp học phần, giải thích cho sinh viên về CBI, sau đó phát Phiếu khảo sát. Kết quả, sau khi nghe giải thích 33,66% chọn mức độ hiểu biết về CBI là *Hiểu nhiều*, 49,5% chọn *Hiểu một chút*, trong khi chỉ 3,96% sinh viên *Hiểu sâu sắc*, 11,88% chọn *Không hiểu lắm* và 0,99% *Hoàn toàn không hiểu*. Như vậy, đa số sinh viên (87,12%) tham gia trả lời có hiểu biết cơ bản về CBI.

4.1.2. Hứng thú và động lực học tiếng Anh của người học

Theo kết quả, có 84,16% sinh viên trả lời hiện đang có hứng thú với việc học tiếng Anh, và chỉ 5,94% trả lời không có hứng. Sau khi nghe giới thiệu về CBI, 77,23% sinh viên cho rằng học tích hợp tiếng Anh và KTCN khiến việc học

tiếng Anh thú vị hơn, trong khi 16,83% tỏ ra lưỡng lự thì 6,25% không đồng tình.

4.1.3. Lợi ích của CBI

Phiếu khảo sát gồm bảy câu hỏi liên quan đến lợi ích của CBI. Đối với *động lực học tiếng Anh*, 60,39% đồng ý rằng CBI sẽ tạo động lực học tiếng Anh cho sinh viên và 38,61% có câu trả lời trung lập. Trong khi 83,17% sinh viên cho rằng CBI sẽ khiến việc học tiếng Anh có *ý nghĩa hơn*, thì 78,21% cho rằng tiếng Anh sẽ đóng vai trò quan trọng hơn với CBI.

Về *hiệu quả học tập*, 61,38% cho rằng người học sẽ đạt được hiệu quả tối đa khi học tiếng Anh theo CBI, tuy nhiên, có 28,71% tỏ vẻ lưỡng lự và 9,9% (10 sinh viên) không đồng tình.

Đối với *sự chuẩn bị KTCN và năng lực ngoại ngữ*, 83,17% sinh viên đồng ý rằng CBI giúp chuẩn bị kỹ năng ngoại ngữ và KTCN cho các học kì sau tại khoa, 72,28% cho rằng CBI giúp sinh viên mở rộng kiến thức xã hội. Đặc biệt, 88,12% có câu trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với khả năng tìm được việc làm nếu sinh viên nắm vững KTCN bằng tiếng Anh.

4.1.4. Thực trạng chương trình Kỹ năng tiếng B1, B2 tại Khoa Quốc tế học

Đối với các giáo trình hiện đang được sử dụng trong chương trình *Kỹ năng tiếng B1, B2* như *PET Results, FCE Results, Solutions*, 37,62% sinh viên cho rằng chương trình tiếng Anh trong bốn học kì đầu tiên hiện chưa cung cấp đủ tiếng Anh và KTCN cần thiết cho sinh viên Quốc tế học. Trong khi 35,64% đồng ý rằng chương trình từ KNTB1.1 đến KNTB2.5 đang rất thú vị và bổ ích thì có đến 42,57% tỏ vẻ lưỡng lự và 15,84% không đồng ý, đặc biệt có 5,94% hoàn toàn không đồng ý.

4.1.5. Khả năng áp dụng CBI

Phần lớn sinh viên (78,21%) sau khi nghe giải thích về CBI cho biết sẵn lòng tham gia vào chương trình tiếng Anh được thiết kế theo CBI; chỉ có 14,85% tỏ vẻ lưỡng lự và 6,93% chọn không tham gia khóa học. Đặc biệt, 67,32% sinh viên cho rằng CBI có khả năng áp dụng vào chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên năm 1, 2 Khoa Quốc tế học. Tuy nhiên, 23,76% có ý kiến trung lập.

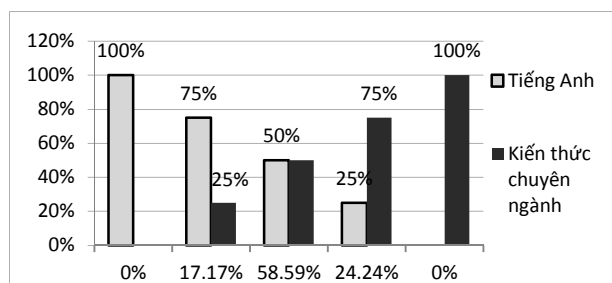
4.1.6. Giáo viên

Có 66,33% sinh viên cho rằng đội ngũ giáo viên hiện nay của khoa đủ khả năng học thuật để đảm nhiệm giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Đây chính là nguồn nhân lực phục vụ chủ trương giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh của ĐHNH, kịp thời hội nhập với xu thế sử dụng ngoại ngữ như một công cụ để giao tiếp và truyền tải KTCN.

Tuy nhiên, khi phỏng vấn hai giáo viên cơ hữu dạy tiếng Anh tại khoa thì phản hồi của các cô khá tương đồng khi so sánh trình độ sinh viên hai khoá 2012-2016 và 2013-2017. Cụ thể, đối với môn *Tiếng Anh nâng cao* trong học kì 5, giáo viên cho rằng sinh viên khoá 2013 có sự chuẩn bị yếu hơn về năng lực tiếng Anh (chưa thể viết bài luận khoảng 250 từ trở lên, hạn chế từ vựng chuyên ngành) so với khoá 2012-2016 học chương trình cũ.

Bảng 1. Kết quả Phiếu khảo sát

STT	Câu hỏi	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Lưỡng lự/ Trung lập	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Hiện bạn đang có hứng thú với việc học tiếng Anh.	29,7%	54,46%	9,9%	4,95%	0,99%
2	Giảng dạy tích hợp KTCN và ngoại ngữ khiến việc học tiếng Anh <i>thú vị hơn</i> .	16,83%	60,4%	16,83%	3,96%	1,98%
3	Phương pháp CBI <i>tạo động lực</i> học tiếng Anh cho SV.	19,8%	40,59%	38,61%	0%	0,99%
4	CBI giúp SV mở rộng kiến thức xã hội.	20,79%	51,49%	18,81%	6,93%	1,98%
5	Sinh viên sẽ đạt được hiệu quả học tập tối đa khi học tiếng Anh với CBI.	14,85%	46,53%	28,71%	9,9%	0%
6	CBI giúp tiếng Anh đóng vai trò quan trọng hơn (đối với SV không chuyên ngữ).	28,71%	49,5%	15,84%	3,96%	1,98%
7	CBI giúp chuẩn bị KTCN và kỹ năng ngoại ngữ cho SV tham gia các khóa học chuyên ngành bằng tiếng Anh trong năm 3.	27,72%	55,45%	12,87%	2,97%	0,99%
8	Giảng dạy tích hợp KTCN và ngoại ngữ khiến việc học tiếng Anh có <i>ý nghĩa hơn</i> .	28,71%	54,46%	7,92%	7,92%	0%
9	Nắm vững KTCN bằng tiếng Anh giúp SV dễ tìm việc sau khi tốt nghiệp.	51,49%	36,63%	8,91%	0,99%	1,98%
10	Các giáo trình hiện đang sử dụng trong các học phần Kỹ năng tiếng như <i>PET Results, FCE Results, Solutions</i> đã đảm bảo đủ tiếng Anh và khối lượng KTCN cần thiết cho SV Quốc tế học.	10,89%	17,82%	33,66%	30,69%	6,93%
11	Chương trình Kỹ năng tiếng từ KNTB1.1 đến KNTB2.5 hiện nay đang rất <i>thủ vịn</i> và <i>bổ ích</i> .	5,94%	29,7%	42,57%	15,84%	5,94%
12	CBI có khả năng áp dụng vào chương trình tiếng Anh dành cho SV năm 1,2 khoa Quốc tế học.	19,8%	47,52%	23,76%	7,92%	0,99%
13	Bạn sẵn lòng tham gia chương trình tiếng Anh theo CBI.	28,71%	49,5%	14,85%	4,95%	1,98%
14	Giáo viên nên tập trung dạy KTCN (ví dụ: kinh tế, quan hệ quốc tế) nhiều hơn là dạy kỹ năng ngôn ngữ (ví dụ: ngữ pháp, cấu trúc câu, v.v.) trong giờ học tiếng Anh.	16,83%	24,75%	34,65%	19,8%	3,96%
15	Học Chương trình tiếng Anh thiết kế theo CBI khiến SV <i>dễ bị căng thẳng</i> vì vừa phải học tiếng Anh vừa phải học KTCN bằng tiếng Anh.	8,91%	30,69%	36,63%	19,8%	3,96%
16	Chương trình tiếng Anh thiết kế theo CBI đòi hỏi SV phải học <i>chăm chỉ hơn</i> vì vừa phải học tiếng Anh vừa phải học KTCN bằng tiếng Anh.	39,6%	42,57%	7,92%	4,95%	4,95%
17	Giáo viên khoa Quốc tế học có đủ khả năng để dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.	21,78%	44,55%	25,74%	4,95%	2,97%

**Hình 1. Tỷ lệ tiếng Anh và kiến thức chuyên ngành****4.1.7. Tỷ lệ giữa tiếng Anh và nội dung chuyên ngành**

Trong Phiếu khảo sát, câu 3 tham khảo ý kiến sinh viên về tỷ lệ giữa tiếng Anh và KTCN để tác giả có cơ sở đề xuất xây dựng kết cấu chương trình tiếng Anh theo CBI. Phản hồi của các em được tóm tắt trong *Hình 4.1*; trong đó, 58,59% sinh viên cho rằng tỷ lệ chuẩn nhất là 50:50. Đáng ngạc nhiên, mặc dù đây là chương trình tiếng Anh, số sinh viên muốn học tập trung vào KTCN với tỷ lệ 25:75 chiếm tới 24,24%, điều này cho thấy sinh viên ý thức được tầm quan trọng của KTCN. Ngoài ra, có 17,17% muốn học tiếng Anh nhiều hơn với tỷ lệ 75:25. Tuy nhiên, câu hỏi về sự tập trung của giáo viên có phản hồi khá thú vị. Khoảng 41,58% sinh viên ý kiến rằng giáo viên nên tập trung dạy

KTCN nhiều hơn kỹ năng ngôn ngữ trong giờ học tiếng Anh. Khoảng 34,65% sinh viên có câu trả lời trung lập và 23,76% ý kiến ngược lại.

4.1.8. Khó khăn khi áp dụng CBI

Mặc dù khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh tương đối cao (67,32%), để có thể áp dụng CBI một cách hiệu quả đòi hỏi sinh viên và giáo viên phải nỗ lực nhiều hơn so với chương trình học thuần ngoại ngữ. Tuy nhiên, có thể vì chưa được trải nghiệm nhiều với CBI mà phản hồi của sinh viên về khó khăn khi áp dụng CBI khá là khác biệt. Cụ thể, 39,6% cho rằng việc học đồng thời cả tiếng Anh và KTCN dễ tạo áp lực khiến người học căng thẳng hơn. Có 36,63% đưa ý kiến trung lập, trong khi tỷ lệ không đồng tình là 23,76%. Mặc dù vậy, có đến 82,17% ý thức cần phải *chăm chỉ hơn* để có thể theo kịp chương trình thiết kế theo CBI.

4.2. Bình luận và kiến nghị**4.2.1. Bình luận**

Kết quả từ phiếu điều tra đã giúp phác họa phần nào bức tranh ý kiến sinh viên về khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh tại khoa. Đa số (78,21%) sẵn lòng theo học chương trình tiếng Anh thiết kế theo CBI và 67,32% sinh viên tin vào khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng

Anh dành cho sinh viên năm 1, 2 Khoa Quốc tế học. Trên thế giới, rất nhiều nghiên cứu đã chứng minh CBI đem lại nhiều lợi ích cho người học: tiếp cận với ngữ cảnh có ý nghĩa và tài liệu xác thực, mở rộng kiến thức học thuật về văn hóa, xã hội, chính trị, kinh tế, và khả năng sử dụng tiếng Anh để thảo luận một số vấn đề chuyên ngành (Short, 1991; Chadran & Esarey, 1997; Iakovos, 2011). [2], [3], [9]. Thực tế, CBI đã được thử nghiệm trong học phần *Tiếng Anh nâng cao*, với các chủ điểm từ kinh tế, đối ngoại, chính trị, văn hóa, v.v, mà sinh viên Khoa Quốc tế học tham gia trong *học kì 5*, và đa số sinh viên rất hứng thú với giờ học này.

4.2.2. Kiến nghị

Đề áp dụng thành công CBI vào kết cấu chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên năm 1, 2 Khoa Quốc tế học, bài báo đề xuất một số kiến nghị, cụ thể:

a. Về chương trình

Đa số ý kiến (58,59%) đề xuất chương trình tiếng Anh theo CBI nên được thiết kế theo tỷ lệ tiếng Anh và KTCN là 50:50 để sinh viên có thể phát triển năng lực ngoại ngữ và mở rộng KTCN Quốc tế học. Tài liệu dùng cho học phần này là những tài liệu xác thực do giáo viên biên soạn để phù hợp với mục tiêu vừa giảng dạy tiếng Anh vừa bổ sung KTCN về chủ điểm cụ thể cho sinh viên. Giáo viên cũng có thể tham khảo những trang báo chính thống như CNN, BBC, The Economist, The Financialist và TED Talks để lấy tư liệu xác thực. Các chủ điểm trong suốt khóa học được giáo viên xây dựng dựa trên khảo sát nhu cầu/sở thích của sinh viên và mục tiêu của khóa học (ví dụ chủ điểm trong các học phần về kinh tế, ngoại giao, chính trị, an ninh). Hình thức kiểm tra, đánh giá nên được thực hiện theo mô hình CBI theo chủ đề: vừa kiểm tra kỹ năng tiếng Anh, vừa kiểm tra KTCN theo chủ điểm.

b. Về đội ngũ giảng viên

Giáo viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong CBI, từ thiết kế bài giảng dựa trên tài liệu xác thực, phát triển ngân hàng đề thi, đến công tác phát triển kiến thức chuyên môn. Tham gia dạy các học phần tiếng Anh thiết kế theo CBI đòi hỏi giáo viên nắm vững KTCN và kỹ năng truyền đạt lượng kiến thức đó bằng tiếng Anh. Vì vậy, lãnh đạo khoa cần nghiên cứu các yếu tố hạn chế về nguồn lực (đội ngũ cơ hữu giảng dạy tiếng Anh rất ít - chỉ có 6 giáo viên/khoảng 700 sinh viên), và cân nhắc các hình thức khuyến khích giáo viên tích cực áp dụng CBI (ví dụ nâng hệ số giờ giảng đối với học phần theo CBI hoặc tính vào giờ nghiên cứu khoa học). Lãnh đạo khoa nên khuyến khích các giáo viên hiện đang dạy chuyên ngành (thuộc Tổ Quan hệ quốc tế, Tổ Châu Á học) thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT, v.v.) để đáp ứng điều kiện tham gia đứng lớp một số học phần tiếng Anh theo CBI.

c. Về người học

Người học nên xác định mục tiêu và nhu cầu học tập ngay từ khi bắt đầu, bởi chương trình tiếng Anh theo CBI chú trọng cả KTCN và tiếng Anh trong mỗi bài học. Ngoài ra, sinh viên cũng cần làm giàu vốn KTCN (tăng cường đọc sách, báo, tạp chí chuyên ngành, tham gia viết bài nghiên cứu khoa học) để có thể tham gia thảo luận chủ điểm bằng tiếng Anh.

5. Kết luận

Tóm lại, trong phương pháp CBI, việc học ngôn ngữ và KTCN xảy ra đồng thời, trong đó nội dung đóng vai trò quyết định ngôn ngữ. Ba mô hình phổ biến của CBI khác biệt với nhau bởi ngữ cảnh, mức độ truyền thụ và mức độ chú trọng ngôn ngữ hay nội dung. Bài viết này nghiên cứu ý kiến sinh viên về khả năng áp dụng CBI vào chương trình tiếng Anh dành cho sinh viên năm 1, 2 Khoa Quốc tế học. Kết quả, trong số 101 mẫu phiếu điều tra có 67,32% sinh viên trả lời đồng ý về khả năng áp dụng CBI; đặc biệt, hơn 2/3 sinh viên đồng ý sẽ tham gia khóa học được thiết kế theo CBI. Điều này cho thấy CBI hoàn toàn có khả năng áp dụng vào kết cấu chương trình tiếng Anh cho sinh viên năm 1,2 Khoa Quốc tế học. Tuy nhiên, để có thể áp dụng CBI một cách hiệu quả, lãnh đạo khoa và trường cần xem xét một số kiến nghị cụ thể về chương trình, đội ngũ giảng viên và người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Brinton, D.M., Snow, M.A., & Wesche, M.B. (1989). *Content-based second language instruction*. Boston: Heinle & Heinle
- [2] Chadran, J. & Esarey, E. (1997). Content-based instruction: An Indonesian example. In S.B. Stryker & B.L. Leaver(Eds.) *Content-based instruction in foreign language education: Models and Methods*. Washington DC: Georgetown University Press.
- [3] Iakovos, T. (2011). Content-based Instruction in the Teaching of English as a Foreign Language. *Review of European Studies*, vol. 3, No. 1, Jun 2011.
- [4] Krashen, S. (1985). *The input hypothesis: Issues and Implications*. London: Longman.
- [5] Richards, J. C. (2006). *Communicative Language Teaching Today*. New York: Cambridge University Press.
- [6] Singer, M. (1990). *Psychology of language: An introduction to sentence and discourse processing*. Hillsdale, NJ: L. Erlbaum.
- [7] Snow, M. A. (2001). Content-based and immersion models for second and foreign language teaching. In M. Celce-Murcia (Ed.), *Teaching English as a second or foreign language* (pp.303-318). Boston: Heinle & Heinle
- [8] Stoller, F. L.& Grabe, W. (1997). A six-T's approach to content-based instruction. In M. A. Snow & D. M. Brinton (Eds.), *The content-based classroom: Perspectives on integrating language and content*, (pp.78- 94). New York: Longman.
- [9] Short, D. (1991) Integrating language and content instruction: Strategies aid techniques. *NCBE Program Information Guide Series*, No. 7, Fall. Retrieved in Sep., 2015 from: <http://www.ncbe.gwu.edu/ncbepubs/pigs/pig7.htm>